

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHI PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Nghi Phú, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công khai danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Nghi Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHI PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của công chức Tư pháp – Hộ tịch và công chức Văn phòng – Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này danh mục 21 thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch, 11 thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực, 01 thủ tục hành chính lĩnh vực bồi thường Nhà nước, 01 thủ tục hành chính lĩnh vực nuôi

con nuôi, 02 thủ tục hành chính lĩnh vực phổ biến giáo dục pháp luật, 04 thủ tục hành chính lĩnh vực hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Nghi Phú. *(Có danh mục chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Giao công chức Tư pháp – Hộ tịch và công chức Văn phòng – Thống kê thực hiện niêm yết, công khai danh mục TTHC và tổ chức thực hiện theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã.

Phối hợp với công chức Văn hóa – Xã hội đăng tải công khai danh mục TTHC trên Trang thông tin điện tử xã Nghi Phú.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công chức Văn phòng – Thống kê; công chức Tư pháp – Hộ tịch và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- UBND TP.Vinh;
- Phòng Tư pháp TP.Vinh; | (để b/c)
- Lưu: VT, TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHI PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND XÃ NGHI PHÚ

(Ban hành kèm Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2023 của UBND xã Nghi Phú)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I.	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (19 thủ tục)				
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	<ul style="list-style-type: none">- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh;- Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi;- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn	<ul style="list-style-type: none">- 10.000 đồng/hồ sơ: Đăng ký khai sinh không đúng hạn.- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

			phần http://dichvucong.nghean.gov.vn	tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
2	Thủ tục đăng ký kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày; - Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc 	Người có yêu cầu đăng ký kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ (bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết 	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ,	<ul style="list-style-type: none"> - 20.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết

		không quá 08 ngày làm việc.	con.	cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con.	- 10.000 đồng/hồ sơ: đăng ký khai sinh không đúng hạn. - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 20.000 đồng;	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ

				<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
5	Thủ tục đăng ký khai tử	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc nơi cư trú 	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn - Miễn lệ phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ

		việc tiếp theo.	cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn	cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
6	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	Trực tiếp tại địa điểm đăng ký lưu động	- 10.000 đồng/hồ sơ trong trường hợp khai sinh không đúng hạn - Miễn lệ phí cho người thuộc gia	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP

				<p>đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p>
7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc.	Trực tiếp tại địa điểm đăng ký lưu động	Miễn lệ phí	<p>- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;</p> <p>- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định</p>

					<p>chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p>
8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc.	Trực tiếp tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động	<p>- 10.000 đồng/hồ sơ đối với trường hợp khai tử không đúng hạn;</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có</p>	<p>- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p>

				điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
9	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

			<p>chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ trước đây;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần <p>http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>		<p>28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p>
11	Thủ tục thay đổi, cải chính cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	<p>03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; - Người thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần <p>http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000 đồng/hồ sơ đối với bổ sung hộ tịch; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

				kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Người thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có thể trực tiếp nộp hồ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú; Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 15.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
13	Thủ tục đăng	05 ngày	- Người có yêu cầu đăng ký lại khai	- 10.000	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;

	ký lại khai sinh	Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh; - Người thực hiện đăng ký lại khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn	đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
14	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến	- 10.000 đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy

			<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cư trú;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần</p> <p>http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p>	<p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p>
15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	<p>- 05 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.</p>	<p>- Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cư trú (bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<p>- 20.000 đồng;</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào</p>	<p>- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày</p>

				dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
16	Thủ tục đăng ký lại khai tử	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký lại khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai tử trước đây; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 10.000đồng/hồ sơ; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, trẻ em, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

				khó khăn.	
17	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; - Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính đến Cơ quan quản lý sổ hộ tịch hoặc Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền; - Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn 	8.000 đồng/bản sao	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch
18	Thủ tục Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú,	<p>Không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người có yêu cầu liên thông thủ tục hành chính trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Luật Cư trú ngày 13/11/2020; - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008; Luật sửa đổi năm 2014; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực

	<p>cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi</p>		<p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15/5/2015 về hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi - Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ phí đăng ký cư trú và diện tích nhà ở tối thiểu đối với chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ để công dân được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An
--	--	--	---	---

<p>19</p>	<p>Thủ tục Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí</p>	<p>Không quá 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ đối với Trường hợp giải quyết đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí khi từ trần đối với các trường hợp người hưởng chế độ theo các quyết định: Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg; Nghị định số 150/2006/NĐ-CP; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg và Trường hợp giải quyết đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng</p>	<p>- Người có yêu cầu liên thông thủ tục hành chính trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ: Toàn phần</p> <p>http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>- 10.000đ đối với đăng ký khai tử không đúng hạn</p> <p>- Xóa đăng ký thường trú: Không thu phí/lệ phí</p> <p>- Hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí: Không thu phí/lệ phí</p>	<p>- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014;</p> <p>- Luật Cư trú ngày 13/11/2020;</p> <p>- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;</p> <p>- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>- Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật cư trú.</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;</p> <p>- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;</p> <p>- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP ngày 10/5/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân</p>
------------------	---	---	--	--	---

		<p>trợ cấp mai táng phí, trợ cấp một lần cho người có công với cách mạng từ trần</p> <ul style="list-style-type: none">- Không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và hợp lệ đối với trường hợp giải quyết đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (Trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng) cho người dân của cơ quan Bảo hiểm xã hội		<p>và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;</p> <ul style="list-style-type: none">- Pháp lệnh ưu đãi người có công hợp nhất số 04/2012/PL-UBTVQH13;- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;- Thông tư 91/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC hướng dẫn thực thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;- Thông tư số 10/2007/TTLT-BLĐTBXH-BCCBVN-BQP-BTC ngày 15/7/2007 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 150/2006/NĐ-CP;- Thông tư số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16/4/2012 hướng dẫn thực hiện chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg;- Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân;- Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/12/2015
--	--	---	--	--

				<p>hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;- Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí”;- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Nghệ An về lệ
--	--	--	--	---

					phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11 thủ tục)					
1.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	<p>- Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>- Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ</p>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã đang quản lý sổ gốc	Không	Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

		chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.			
2.	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	<p>- Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>- Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã</p> <p>- Nộp hồ sơ chứng thực bản sao điện tử theo địa chỉ http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.</p>

3.	<p>Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)</p>	<p>Trong ngày</p>	<p>Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã hoặc ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.</p>	<p>10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
4.	<p>Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Trong ngày</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày

					03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
5.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
6.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi yêu cầu qua bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã đang quản lý sổ gốc	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số

					điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
7.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	2 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
8.	Thủ tục chứng thực di chúc	2 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/di chúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao

					từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
9.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
10.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

		ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
11.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	2 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, dịch giao	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; - Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
III.	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 thủ tục)				
1.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	34 ngày, đối với trường hợp phức tạp tối đa là 54 ngày. Trường hợp 2 bên thỏa thuận thì thời hạn kéo dài thêm tối đa 25 ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính đến cơ quan giải quyết bồi thường.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước

IV. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (02 thủ tục)			
1.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú; - Đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi; - Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi; - Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng;
			<ul style="list-style-type: none"> - 400.000đ/ trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng
			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con

				dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	nuôi.
2.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

					hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.
V.	LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (02 thủ tục)				
01	Thủ tục Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.	Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đề nghị làm tuyên truyền viên pháp luật.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ -CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; - Thông tư số 10/2016/TT -BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
02	Thủ tục Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.	Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đề nghị làm tuyên truyền viên pháp luật.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; - Nghị định số 28/2013/NĐ -CP ngày 04/4/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; x UBND cấp xã 91 - Thông tư số 10/2016/TT -BTP ngày 22/7/2016 quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.
VI	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (4 thủ tục)				
1.	Thủ tục Công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị Công nhận Hòa giải viên.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
2.	Thủ tục Công nhận tổ trưởng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể	Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị Công nhận tổ trưởng Tổ hòa	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;

	Tổ hòa giải	từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	giải.		- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/ NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.
3.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	<p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết</p>	Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đề nghị thôi Hòa giải viên	Không	<p>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013;</p> <p>- Nghị quyết liên tịch số 01/2014/ NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</p>

		định.			
4.	Thủ tục thanh toán thù lao cho Hòa giải viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đề nghị thanh toán thù lao Hòa giải viên	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở..